



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM - VIETNAM REGISTER PHÒNG TÀU BIỂN

SEA-GOING SHIP CLASSIFICATION AND REGISTRY DEPARTMENT

ĐỊA CHỈ
ADDRESS 18 PHAM HUNG, HA NOI
TEL: (84) 4 7684701
FAX: (84) 4 7684722
Web site: www.vr.org.vn

THÔNG BÁO KỸ THUẬT- TECHNICAL INFORMATION

Ngày 14 tháng 04 năm 2008
Số thông báo: 013KT/08TB

Nội dung: Danh mục kiểm tra nhanh trước khi tàu vào cảng nhằm giảm thiểu nguy cơ tàu bị lưu giữ do có các khiếm khuyết ảnh hưởng đến khả năng hoạt động an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Kính gửi: Các Chủ tàu/ Công ty quản lý tàu chạy tuyến quốc tế
Các Chi cục Đăng kiểm tàu biển

Trong 3,5 tháng đầu năm 2008 đã có 28 lượt tàu thuộc sở hữu của công ty vận tải biển Việt Nam bị lưu giữ ở các cảng nước ngoài do có các khiếm khuyết ảnh hưởng đến khả năng hoạt động an toàn, an ninh và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; tăng 13 lượt so với cùng kỳ năm 2007. Đây là thực tế hết sức đáng báo động.

Qua việc phân tích báo cáo kiểm tra của các Chính quyền cảng nước ngoài đối với đội tàu biển Việt Nam, chúng tôi đã soạn thảo "Danh mục kiểm tra nhanh trước khi tàu vào cảng" đề cập đến các khiếm khuyết phổ biến thường có trên các tàu biển của chúng ta và có thể dẫn đến việc tàu bị lưu giữ.

Chúng tôi xin gửi đến các Quý Cơ quan, kèm theo Thông báo kỹ thuật này, "Danh mục kiểm tra nhanh trước khi tàu vào cảng" nói trên; đề nghị các Thuyền trưởng sử dụng danh mục này để kiểm tra tàu trước khi vào cảng, khắc phục triệt để các khiếm khuyết phát hiện được, nhằm mục đích làm giảm thiểu nguy cơ tàu bị lưu giữ.

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: *Thông báo của VR/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>

Nếu Quý cơ quan cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam, Phòng Tàu biển
Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: + 4 7684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +4 7684722

Thư điện tử: hainv@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

TRƯỞNG PHÒNG TÀU BIỂN

Nơi nhận:

-Nhu trên

-QP, CTB, VRQC, MT

-Lưu TB

Nguyễn Vũ Hải



DANH MỤC KIỂM TRA NHANH TRƯỚC KHI TÀU VÀO CẢNG PRE ARRIVAL PSC CHECKLIST

TT	Khu vực/ hạng mục - Area/ Item	Nhận xét - Remark
A	Tại buồng Thuyền trưởng/ trách nhiệm của Thuyền trưởng Master's office/ responsibilities	
1	Giấy chứng nhận Certificates Tàu phải có đầy đủ các giấy chứng nhận và tài liệu theo quy định (bản gốc) Originals of all trading certificates and documents available	
2	Quy định của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo, cấp chứng chỉ và trực ca STCW Tất cả các sỹ quan phải có giấy chứng nhận chuyên môn thích hợp và được xác nhận đầy đủ All officers should be in possession of their certificates of competence and Endorsements	
3	Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu (SOPEP) SOPEP Tàu phải có SOPEP được duyệt, cập nhật đầy đủ, đặc biệt là việc cập nhật danh mục các địa chỉ liên lạc trong tình huống khẩn cấp Approved, up to date and with contact details included	
4	Sự chuẩn bị sẵn sàng cho các tình huống khẩn cấp theo quy định của Bộ luật ISM ISM emergency preparedness Các đợt thực tập và huấn luyện trên tàu phải được tiến hành thường xuyên, hiệu quả và có lưu bằng chứng (ghi chép trong nhật ký, báo cáo, ...) về các đợt thực tập và huấn luyện này Drills to be carried out regularly and effectively with documented evidence	
	Lưu ý - Notes: 1. Nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng luôn luôn bắt đầu việc kiểm tra từ buồng Thuyền trưởng. Một điều rất quan trọng là các giấy chứng nhận theo quy định của tàu phải được cập nhật, có hiệu lực và sắp xếp trật tự. PSC officers will always commence their inspection in the Master's office. It is essential that certification is up to date, valid and organized. 2. Nếu có máy hoặc trang thiết bị nào bị hư hỏng hoặc hoạt động không thoả mãn, cần phải có báo cáo ghi nhận về vấn đề liên quan, kèm theo hành động khắc phục. Việc làm như vậy sẽ chứng minh cho Nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng là Thuyền trưởng đã nhận biết được sự việc và tàu đã thực hiện đầy đủ quy trình về báo cáo cũng như khắc phục khiếm khuyết. If machinery or equipment is damaged or not operating correctly, make a note of it. Also make a note of the corrective action. This will demonstrate to the PSC officer that you are aware of the problem and that you have procedures in place to report and rectify deficiencies.	
B	Khu vực buồng lái Bridge area	
1	Ấn phẩm hàng hải Nautical publications Tàu có đầy đủ các ấn phẩm hàng hải hợp lệ theo quy định cho chuyến đi Valid and as required for the voyage	
2	Hải đồ Charts Tàu có đầy đủ các hải đồ thích hợp cho chuyến đi và được hiệu chỉnh theo đúng quy định Correct charts for voyages being undertaken and corrected as necessary	
3	La bàn từ Magnetic compass Dễ dàng đọc được chỉ số và được hiệu chỉnh đầy đủ (bảng độ lệch dư) Easily readable and correctly adjusted (deviation card)	

TT	Khu vực/ hạng mục - Area/ Item	Nhận xét - Remark
B	Khu vực buồng lái (tiếp) Bridge area (cont.)	
4	Đèn hàng hải, vật liệu, tín hiệu âm thanh tránh va Lights, shapes, sound-signals Ở trạng thái hoạt động tốt In good working order	
5	Thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện GMDSS Ở trạng thái hoạt động tốt In working order	
6	Thiết bị chỉ báo vị trí tai nạn qua vệ tinh (EPIRB) EPIRB Ở tình trạng tốt, có đầy đủ các báo cáo kiểm tra, thử và bảo dưỡng được cập nhật In working order; updated maintenance records available	
7	Bảng báo cháy Fire detection cabinet Các thiết bị báo động ở trạng thái hoạt động tốt Alarms in working order	
8	Các trang thiết bị hàng hải Navigational equipment Ở trạng thái hoạt động tốt In working order	
	Lưu ý - Notes: 1. Nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng luôn kiểm tra ngày hết hạn của pin của tất cả các trang thiết bị trên buồng lái như EPIRB, Rada transponder, Two-way VHF, cũng như báo cáo bảo dưỡng và thử định kỳ các trang thiết bị này. PSC officers will always check the date of expiry of battery of all the equipment in the bridge such as EPIRB, SART, Two-way VHF's etc. as well as periodical maintenance/ testing reports/ records of the equipment. 2. Khi ở trên buồng lái, nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng thường yêu cầu thử phương tiện thông tin liên lạc (thường là điện thoại) giữa buồng lái với buồng máy lái và thiết bị chỉ báo góc bánh lái. Communication between the bridge and steering gear room and ruder indicator test is a drill exercise that is frequently conducted while at the bridge.	
C	Trang thiết bị cứu sinh Life saving appliances	
1	Phương tiện chiếu sáng và ắc quy sự cố Emergency lighting and batteries Hoạt động thoả mãn và bố trí đúng nơi quy định Functioning correctly and in place	
2	Xuồng cứu sinh Lifeboats Ở tình trạng kết cấu tốt Structure sound	
3	Động cơ xuồng cứu sinh Lifeboat engine Có thể khởi động dễ dàng Able to start without difficulty	
4	Thiết bị hạ xuồng cứu sinh Lifeboat davit Được bảo dưỡng tốt, hoạt động thoả mãn và có đầy đủ báo cáo bảo dưỡng, thử Well maintained and in good working order and relevant periodical maintenance/ testing reports/ records available	

TT	Khu vực/ hạng mục - Area/ Item	Nhận xét - Remark
C	Trang thiết bị cứu sinh (tiếp) Life saving appliances (cont.)	
5	Các trang thiết bị của xuồng Lifeboat inventory Có đầy đủ các trang thiết bị theo quy định và còn hạn sử dụng All as required and supplies not expired	
6	Phao tròn Lifebuoys Có đầy đủ các phao tròn ở trạng thái tốt và bố trí đúng nơi quy định Correct number and location and in good condition	
7	Phao áo Lifejackets Có đầy đủ các phao áo ở trạng thái tốt và bố trí đúng nơi quy định Correct number and location and in good condition	
8	Phao bè tự bơm hơi Inflatable liferafts Không có các vật cản trở cho việc nhả phao. Khâu yếu và cơ cấu thả thủy tĩnh bố trí đúng quy định. Cơ cấu nhả thủy tĩnh còn hạn sử dụng Clear of obstructions. Weak link correctly positioned and hydrostatic release in date	
	Lưu ý: Notes: 1. Nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng không chấp nhận các vật cản (giá để hàng bằng gỗ, thùng dầu bôi trơn, ...) tại trạm tập trung, lối thoát, trạm đưa người xuống phương tiện cứu sinh. PSC officers will not accept oil drums and wood pallets in way of muster stations, escape routs, life boats embarkation stations. 2. Nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng thường yêu cầu xem ngẫu nhiên một số phao áo để kiểm tra đèn, còi của phao. PSC officers will randomly ask a crew to provide a lifejacket to check if the light is operational and if provided with whistle.	
D	Khu vực sinh hoạt Accommodation	
1	Cửa chống cháy Fire doors Có khả năng đóng kín và ở trạng thái tốt Able to close tight and in good condition	
2	Trang thiết bị cứu hoả Fire fighting equipment Có đầy đủ, bố trí đúng nơi quy định và ở trạng thái hoạt động tốt Available, in place and in good working order	
3	Sơ đồ kiểm soát cháy Fire control plan Bố trí đúng nơi quy định, được cập nhật đầy đủ, có đủ ký hiệu nơi bố trí các thiết bị thờ dùng trong trường hợp thoát hiểm In place and up to date, EEBDS location marked	
4	Các ký hiệu, dấu hiệu chỉ dẫn (cửa kín thời tiết, cảm biến báo cháy, cánh chặn lửa, ống thông gió, ...) Signs, indications (weathertight doors, fire detectors, fire dampers, ventilation, etc.) Có đầy đủ và bố trí đúng nơi quy định All in place and as required	
5	Phương tiện chiếu sáng và ắc quy sự cố Emergency lighting and batteries Hoạt động thoả mãn và bố trí đúng nơi quy định Functioning correctly and in place	

TT	Khu vực/ hạng mục - Area/ Item	Nhận xét - Remark
D	Khu vực sinh hoạt (tiếp) Accommodation (cont.)	
6	Các phương tiện vệ sinh Sanitary facilities Các trang thiết bị bố trí đúng nơi quy định, sạch sẽ và ở trạng thái hoạt động tốt Equipment in place, clean and functioning correctly	
	Lưu ý - Notes: 1. Các cửa chống cháy với thiết bị tự đóng không được giữ ở trạng thái mở bằng nêm, chèn hoặc buộc bằng dây. Fire doors equipped with automatic closing devices should not be held open with shims nor ropes/wires by the crew, this practice is not allowed by PSC. 2. Các biểu tượng của IMO chỉ ra các lối thoát và các trang thiết bị an toàn ở khu vực sinh hoạt luôn được Nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng kiểm tra khi trên đường đi tới buồng thuyền trưởng hoặc cầu lạc bộ. IMO signs indicating emergency exit routes and other safety equipment in the accommodation are always check by PSC officer on his way to the Master's cabin or messroom.	
E	Khu vực boong Deck Area	
1	Mòn rỉ boong Deck corrosion Đảm bảo là boong được bảo quản tốt, không bị mòn rỉ, thủng hoặc hao mòn Ensure deck well maintained, not corroded, holed or wasted	
2	Lan can, mạn chắn sóng Railings, bulwarks Đảm bảo là lan can, mạn chắn sóng được bảo quản tốt, không bị mòn rỉ, thủng hoặc hao mòn Ensure all well maintained, not corroded, holed or wasted	
3	Miệng hầm hàng và các lối người chui khác Cargo and other hatchways Đảm bảo tính kín thời tiết và nắp ở trạng thái tốt, có đủ thiết bị cố định nắp và bố trí đúng nơi quy định Ensure weathertight and the covers are in good condition with securing devices adequate and in place	
4	Cửa ra vào kín thời tiết và đệm kín bằng cao su Weathertight doors and rubber sealing Ở trạng thái tốt và được cố định chắc chắn, đệm cao su không bị sơn In good condition and securing correctly, rubber not painted	
5	Ống thông gió, thông hơi, thành quây Ventilators, air pipes, casings Được đánh dấu rõ ràng và ở trạng thái hoạt động tốt Clearly marked and in good working condition	
6	Tời neo và tời dây Winches and capstans Được đánh dấu rõ ràng và ở trạng thái hoạt động tốt Clearly markings and in good working condition	
7	Hệ thống cứu hỏa cố định Fixed fire extinguishing installation Các bình chứa chất dập cháy được bảo dưỡng theo đúng thời hạn quy định; cơ cấu điều khiển xả chất chữa cháy ở tình trạng tốt và bố trí đúng quy định Bottles correctly serviced and dated; release mechanisms in good condition and in place	

TT	Khu vực/ hạng mục - Area/ Item	Nhận xét - Remark
E	Khu vực boong (tiếp) Deck Area (cont.)	
8	Thiết bị cứu hoả Fire fighting equipment Có đầy đủ trên tàu, bố trí đúng nơi quy định, ở trạng thái hoạt động thoải mái; các bình cứu hoả xách tay và di động được nạp chất chữa cháy theo đúng thời hạn quy định (có nhãn ghi rõ ràng ngày nạp lại bình) Available, in place and in good working order with valid recharge date marked where appropriate	
9	Cánh chặn lửa, thiết bị đóng nhanh và cơ cấu điều khiển Fire dampers, quick closing devices and means of control Được đánh dấu rõ ràng, dễ dàng thao tác và không bị mòn rỉ Clearly marked, easy to operate and corrosion free	
10	Các ký hiệu, dấu hiệu chỉ dẫn (cửa kín thời tiết, cảm biến báo cháy, cánh chặn lửa, ống thông gió, ...) Signs, indications (weathertight doors, fire detectors, fire dampers, ventilation) Có đầy đủ và bố trí đúng nơi quy định All in place and as required	
	Lưu ý - Notes: 1. Cánh chặn lửa bị mòn rỉ hoặc không vận hành được là khiếm khuyết lưu giữ tàu phổ biến nhất. Corroded or non-operable fire dampers are one of the most common detainable items. 2. Trạng thái của nắp miệng hầm hàng và các thiết bị cố định nắp luôn được Nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng lưu ý kiểm tra. The condition of the hatchway covers and their closing devices are always checked during PSC inspections.	
F	Khu vực làm việc Working spaces	
1	Bơm cứu hoả sự cố Emergency fire pump Có thể khởi động dễ dàng và tạo ra đủ áp suất nước cung cấp cho vòi rồng cứu hoả Capable of being started easily and delivering sufficient pressure at hoses	
2	Máy phát điện sự cố Emergency generator Có thể khởi động dễ dàng và được kết nối với bảng điện Able to be easily operated and connected to the switchboard	
3	Đèn chiếu sáng Lighting Được trang bị đầy đủ với chụp bảo vệ Ensure adequate and with covers	
	Lưu ý - Notes: 1. Dây điện bị tháo lỏng, đường ống hơi nước không được bảo vệ, hoặc các bộ phận chuyển động của máy móc không được che chắn bảo vệ có thể gây nguy hiểm cho thuyền viên. Nhân viên kiểm tra của Chính quyền cảng luôn kiểm tra các mối nguy hiểm gây mất an toàn trong buồng máy. Loose wire, un-protected steam pipes or rotating machinery are hazard to the crew and PSC officers always check for safety hazards in engine room.	
G	Buồng máy Engine Room	
1	Giữ lại dầu trên tàu Retention of oil onboard Đảm bảo là các két giữ dầu trên tàu được sử dụng đúng và dầu bẩn chứa trong các két này được thải lên phương tiện tiếp nhận của cảng Ensure correct tanks are being used and emptied at port facilities	

TT	Khu vực/ hạng mục - Area/ Item	Nhận xét - Remark
G	Buồng máy (tiếp) Engine Room (cont.)	
2	Vệ sinh buồng máy Cleanliness of engine room Buồng máy phải sạch sẽ, không có dầu rò rỉ, nước đáy tàu sạch, đáy tàu sạch, không có giẻ thấm dầu Clean, no oil leaks, clean bilges and tank tops and no oily rags	
3	Các máy phụ Auxiliary engines Tất cả đều ở tình trạng hoạt động thoả mãn All in working order	
4	Máy chính Propulsion main engine Tất cả các bộ phận đều hoạt động thoả mãn All components functioning correctly	
5	Hệ thống bọc bảo vệ đường ống dầu cao áp Jacketed piping system for high pressure fuel lines Hệ thống được duyệt ở tình trạng thoả mãn Approved system in place	
6	Thiết bị lọc nước lẫn dầu (thiết bị phân ly dầu nước) Oil filtering equipment (oily water separator) Hoạt động thoả mãn; đảm bảo không có kết nối đường ống bất hợp pháp Working correctly, ensure no illegal pipe work	
7	Hệ thống báo động 15 PPM 15 PPM alarm arrangements Hoạt động theo đúng quy định Functioning as required	
8	Sổ Nhật ký dầu Oil record book Được ghi chép đúng quy định Data correctly entered	
9	Bơm cứu hỏa Fire pumps Hoạt động thoả mãn với đủ áp suất In working order with adequate pressure	
10	Máy lái Steering gear Hoạt động thoả mãn Functioning correctly	
11	Các ký hiệu, dấu hiệu chỉ dẫn (cửa kín thời tiết, cảm biến báo cháy, cánh chặn lửa, ống thông gió, ...) Signs, indications (weathertight doors, fire detectors, fire dampers, ventilation) Có đầy đủ và bố trí đúng nơi quy định All in place and as required	
12	Phương tiện chiếu sáng và ắc quy sự cố Emergency lighting and batteries Hoạt động thoả mãn và bố trí đúng nơi quy định Functioning correctly and in place	
13	Thiết bị cứu hỏa Fire fighting equipment Có đầy đủ trên tàu, bố trí đúng nơi quy định, ở trạng thái hoạt động thoả mãn; các bình cứu hỏa xách tay và di động được nạp chất chữa cháy theo đúng thời hạn quy định (có nhãn ghi rõ ràng ngày nạp lại bình) Available, in place and in good working order with valid recharge date marked where appropriate	

TT	Khu vực/ hạng mục - Area/ Item	Nhận xét - Remark
G	Buồng máy (tiếp) Engine Room (cont.)	
14	Các cửa kín thời tiết Weathertight doors Ở trạng thái tốt, được đóng kín thích hợp In good condition, securing correctly	
	Lưu ý - Notes: 1. Giẻ lẫn dầu, thùng chứa bằng nhựa và các vật liệu cháy được khác không được để trong buồng máy sau khi hoàn thành các công việc liên quan, vì đó có thể là lý do dẫn đến việc tàu bị lưu giữ. Oily rags, plastic containers and other sources of a fire should never be left in the engine room after work has been carried out, this will be a ground for detention by PSC.	